

Số: 27 /2019/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 2 như sau:

“1. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước: gồm 11 phụ lục ban hành kèm theo”.

2. Bổ sung Điều 3 như sau:

“ Điều 3. Giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng đối với chợ được đầu tư mới

Đối với các chợ đầu tư mới bằng nguồn ngân sách nhà nước đưa vào hoạt động sau khi Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ bằng với mức giá dịch vụ tại các chợ có quy mô về diện tích, quầy sạp, sức mua tương đồng trên cùng địa bàn cấp huyện.”

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Việc thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ phải có chứng từ thu tiền theo quy định; việc thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng đối với quầy sạp kinh doanh cố định, thường xuyên tại chợ phải có hợp đồng giữa tổ chức thu tiền dịch vụ với người kinh doanh.

2. Tổ chức, đơn vị thu dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ phải mở sổ kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm niêm yết đúng giá và phải đăng ký, kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Nguồn thu từ dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ là nguồn thu dịch vụ; việc quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. /*nbh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TT.TU, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- TT.UBMTTQ tỉnh;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP; các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, P.KTTC (Ngân, Luân).

5/3 ban

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *nbh*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



abel
Lê Văn Nghĩa

Phụ lục I
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23../2019/QĐ-UBND ngày 22/8./2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên Chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
1	Chợ An Hữu (xã An Hữu)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
2	Chợ Cổ Cò (xã An Thái Đông)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
3	Chợ Hòa Khánh (xã Hòa Khánh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

BAN HÀNH

-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày		
4	Chợ Thiên Hộ (xã Hậu Mỹ Bắc A)			
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày		
5	Chợ Cái Bè (thị trấn Cái Bè)			
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày		
6	Chợ Mỹ Trung (xã Mỹ Trung)			
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày		

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

15/06/2024

7	Chợ Mỹ Tân (xã Mỹ Tân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
8	Chợ Kinh Kho (xã Mỹ Lợi B)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
9	Chợ Mỹ Thiện (xã Thiện Trì)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
10	Chợ Mỹ Lương (xã Mỹ Lương)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

11	Chợ Ấp Bình (xã Hòa Hưng) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
12	Chợ Hòa Hưng (xã Hòa Hưng) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
13	Chợ Hậu Mỹ Trinh (xã Hậu Mỹ Trinh) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
14	Chợ Giồng (xã Mỹ Hội) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

15	Chợ Kinh Xéo (xã Mỹ Hội)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
16	Chợ Tân Thành (xã Tân Thành)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
17	Chợ Cái Nưa (xã Hậu Thành)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
18	Chợ Cầu Xéo (xã Hậu Thành)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

19	Chợ Thiện Trung (xã Thiện Trung) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
		1.000đ/m ² /ngày			
20	Chợ Mỹ Đức Tây (xã Mỹ Đức Tây) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
		1.000đ/m ² /ngày			
21	Chợ Cái Thia (xã Mỹ Đức Đông) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
		1.000đ/m ² /ngày			
22	Chợ Ông Vê (xã Mỹ Đức Đông) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
		1.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

23	Chợ Ông Hưng (xã Mỹ Đức Đông) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
24	Chợ An Thái (xã An Cư) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
25	Chợ An Bình (xã An Cư) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
26	Chợ Cà Giãm (xã Hậu Mỹ Phú) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

27	Chợ Hai Hạng (xã Hậu Mỹ Bắc B) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không, thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
28	Chợ Mỹ Lợi A (xã Mỹ Lợi A) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không, thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
29	Chợ Mỹ Lợi B (xã Mỹ Lợi B) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không, thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày
30	Chợ Vàm Săng (xã Tân Hưng) Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không, thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	1.000đ/m ² /ngày

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

31	Chợ Hòa Lộc (xã Hòa Hưng)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
32	Chợ Hưng Lợi (xã Mỹ Lợi B)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			
33	Chợ Hồng XiNa (xã Thiên Trung)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.000đ/m ² /ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Cái Bè kèm theo Phụ lục này là **33 (ba mươi ba)** chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục II
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAI LẬY
(Ban hành kèm theo Quyết định số. 2.3../2019/QĐ-UBND ngày 22/2../2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2 (2)	Vị trí 3 (3)	
1	Chợ Bình Phú (xã Bình Phú)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	63.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
2	Chợ Tam Bình (xã Tam Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	63.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

3	Chợ Ngũ Hiệp (xã Ngũ Hiệp)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	63.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày				
4	Chợ Thạnh Lộc (xã Thạnh Lộc)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày				
5	Chợ Ba Dừa (xã Long Trung)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	63.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày				

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nội tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

6	Chợ Bà Tôn (xã Mỹ Thành Nam)	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	63.000	45.000	
-						
-		Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			
7	Chợ Phú An (xã Phú An)					
-		Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	50.000	40.000	
-		Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
8	Chợ Tân Phong (xã Tân Phong)					
-		Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	55.000	45.000	35.000	
-		Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

9	Chợ Mỹ Long (xã Mỹ Long)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	66.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.200đ/m ² /ngày			
10	Chợ Cẩm Sơn (xã Cẩm Sơn)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	66.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.200đ/m ² /ngày			
11	Chợ Ngã Năm (xã Phú Nhuận)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	66.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.200đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

12	Chợ Ba Dầu (xã Long Tiên)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	50.000	42.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày				
13	Chợ Cả Mít (xã Long Tiên)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	50.000	42.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày				
14	Chợ Hiệp Đức (xã Hiệp Đức)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	50.000	42.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày				

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Cai Lậy kèm theo Phụ lục này là **14 (mười bốn)** chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

Phụ lục III
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ CAI LẬY

(Ban hành kèm theo Quyết định số...23../2019/QĐ-UBND ngày 22/8./2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1(1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
1	Chợ Cai Lậy (thị xã Cai Lậy)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	135.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
2	Chợ Mỹ Phước Tây (xã Mỹ Phước Tây)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	60.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nói tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

3	Chợ Nhị Quý (xã Nhị Quý)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)			1.500đ/m ² /ngày		
4	Chợ Tân Hội (xã Tân Hội)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)			1.500đ/m ² /ngày		
5	Chợ Mỹ Hạnh Trung (xã Mỹ Hạnh Trung)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)			1.500đ/m ² /ngày		

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ



6	Chợ Tân Phú (xã Tân Phú)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày			
7	Chợ Phú Quý (xã Phú Quý)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày			
8	Chợ Tam Long (Phường 5)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	60.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

9	Chợ Long Khánh (xã Long Khánh)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày				
10	Chợ Tân Bình (Phường 3)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày				
11	Chợ Quý Thạnh (xã Tân Hội)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.500đ/m ² /ngày				

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

12	Chợ Mỹ Hạnh Đông (xã Mỹ Hạnh Đông)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	45.000	45.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)			1.500đ/m ² /ngày	

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn thị xã Cai Lậy kèm theo Phụ lục này là 12 (mười hai) chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ

HÌNH TIỀN

Phụ lục IV
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẢNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27./2019/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1(1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
1	Chợ Tân Phước (thị trấn Mỹ Phước) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	36.000	30.000	25.000	
2	Chợ Phú Mỹ (xã Phú Mỹ) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	60.000	48.000	39.000	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.



3	Chợ Thạnh Tân (xã Thạnh Tân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	24.000	19.000	15.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	6.000đ/người/ngày			
4	Chợ Tân Hòa Thành (xã Tân Hòa Thành)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	50.000	38.000	29.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	6.000đ/người/ngày			
5	Chợ Bắc Đông (xã Thạnh Mỹ)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	48.000	39.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	5.000đ/người/ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Tân Phước kèm theo Phụ lục này là **05 (năm)** chợ

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục IX

**GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẢNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ GÒ CÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 24../2019/QĐ-UBND ngày 22/8./2019 của UBND tỉnh)

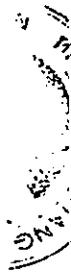
STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2 (2)	Vị trí 3 (3)	
1	Chợ Gò Công (Phòng 1)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	60.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/m ² /ngày			
2	Chợ Phường 4 (Phòng 4)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	51.000	44.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

[(M) (2) (2)]

3	Chợ Long Thuận (xã Long Thuận)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	63.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		3.000đ/m ² /ngày		
4	Chợ Long Chánh (xã Long Chánh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	46.000	40.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		4.000đ/m ² /ngày		
5	Chợ Tân Trung (xã Tân Trung)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	66.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		2.000đ/m ² /ngày		

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.



6	Chợ Xã Lới (xã Tân Trung)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	66.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
7	Chợ Áp 2 (xã Bình Xuân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	51.000	44.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
8.	Chợ Bình Xuân (xã Bình Xuân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	90.000	77.000	65.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn thị xã Gò Công kèm theo Phụ lục này là **08 (tám)** chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất cửa chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

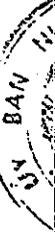
14/11/2014

Phụ lục V
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH

(Ban hàng kèm theo Quyết định số. 22../2019/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2 (2)	Vị trí 3 (3)	
01	Chợ Tân Hiệp (thị trấn Tân Hiệp)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	43.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
02	Chợ Long Định (xã Long Định)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	43.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.



03	Chợ Trái cây Vĩnh Kim (xã Vĩnh Kim)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	43.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
04	Chợ Tân Hương (xã Tân Hương)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
05	Chợ Khu tái định cư Tân Hương (xã Tân Hương)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

06	Chợ Tân Hội Đông (xã Tân Hội Đông)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
07	Chợ Tam Hiệp (xã Tam Hiệp)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
08	Chợ Thạnh Phú (xã Thạnh Phú)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

09	Chợ Bình Đức (xã Bình Đức)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
10	Chợ Dưỡng Điềm (xã Dưỡng Điềm)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
11	Chợ Tân Lý Tây (xã Tân Lý Tây)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

12	Chợ Đông Hòa (xã Đông Hòa)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
13	Chợ Long An (xã Long An)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
14	Chợ Nhị Bình (xã Nhị Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

15	Chợ Kim Sơn (xã Kim Sơn)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		2.000đ/m ² /ngày			
16	Chợ Phú Phong (xã Phú Phong)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		2.000đ/m ² /ngày			
17	Chợ Thân Cửu Nghĩa (xã Thân Cửu Nghĩa)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	39.000	31.000	26.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)		2.000đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nói tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

18	Chợ Đêm Tân Hiệp (TT Tân Hiệp)				
	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	31.000	26.000	21.000	

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Châu Thành kèm theo Phụ lục này là 18 (mười tám) chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường tiếp giáp đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục VI
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MỸ THO

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 2.đ../2019/QĐ-UBND ngày 22/1.đ./2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
1	Chợ Vòng Nhỏ (Phường 6) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
2	Chợ Tân Mỹ Chánh (xã Tân Mỹ Chánh) Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng) Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

3	Chợ Trung An (xã Trung An)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày				
4	Chợ Trung Lương (Phường 10)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày				
5	Chợ Trái cây (Phường 4)					
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000		
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày				

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

6	Chợ Lò Gạch (Phường 6)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
7	Chợ Tân Long (Phường Tân Long)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
8	Chợ Cá sĩ Mỹ Tho (Phường 1)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

9	Chợ Cá Mỹ Tho (Phường 1)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
10	Chợ Hàng Còng (Phường 4)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
11	Chợ Mỹ Phong (xã Mỹ Phong)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

12	Chợ Thới Sơn (xã Thới Sơn)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	105.000	90.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn thành phố Mỹ Tho kèm theo Phụ lục này là 12 (mười hai) chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục VII
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ GẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số.21.../2019/QĐ-UBND ngày 22.1.2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (1)	Vị trí 2 (2)	Vị trí 3 (3)	
01	Chợ Trung tâm huyện (thị trấn Chợ Gạo)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	39.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
02	Chợ Bến Tranh (xã Lương Hòa Lạc)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	39.000	24.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.800đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

03	Chợ Bình Phục Nhứt (xã Bình Phục Nhứt)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
04	Chợ Ông Văn (xã Đăng Hưng Phước)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
05	Chợ Song Bình (xã Song Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

06	Chợ Quơn Long (xã Quơn Long)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/ m ² /ngày			
07	Chợ Tân Thuận Bình (xã Tân Thuận Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/ m ² /ngày			
08.	Chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/ m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

09	Chợ An Khương (xã Mỹ Tịnh An)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
10	Chợ Bình Ninh (xã Bình Ninh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
11	Chợ Cầu Đức (xã Xuân Đông)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

12	Chợ Long Bình Điền (xã Long Bình Điền)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
13	Chợ Điền Mỹ (xã Long Bình Điền)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			
14	Chợ Khu III (thị trấn Chợ Gạo)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.600đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

15	Chợ Tân Bình Thạnh (xã Tân Bình Thạnh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	48.000	39.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
16	Chợ An Thạnh Thủy (xã An Thạnh Thủy)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	42.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.400đ/m ² /ngày			
17	Chợ Hòa Định (xã Hòa Định)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	42.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.400đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

18	Chợ Trung Hòa (xã Trung Hòa)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	42.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.400đ/m ² /ngày			
19	Chợ Bình Phan (xã Bình Phan)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	42.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	1.400đ/m ² /ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Chợ Gạo kèm theo Phụ lục này là **19 (mười chín)** chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất cửa chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục VIII
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2.77./2019/QĐ-UBND ngày 22/8./2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1(1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
01	Chợ Vĩnh Bình (thị trấn Vĩnh Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	102.000	90.000	72.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	6.000đ/người/ngày			
02	Chợ Đồng Sơn (xã Đồng Sơn)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	96.000	84.000	66.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

03	Chợ Bình Tây (xã Thạnh Nhứt)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	93.000	81.000	63.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
04	Chợ Long Bình (xã Long Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	90.000	78.000	60.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
05	Chợ Thạnh Yên (xã Thạnh Trị)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	72.000	63.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

06	Chợ Bình Tân (xã Bình Tân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	72.000	63.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
07.	Chợ Kênh 14 (xã Vĩnh Hựu)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	72.000	63.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
08.	Chợ Thạnh Lạc Đông (xã Thạnh Nhựt)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	72.000	63.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

09	Chợ Bình Nhì (xã Bình Nhì)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
10	Chợ Cả Chốt (xã Vĩnh Hựu)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
11	Chợ Thạnh An (xã Thạnh Trị)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

12	Chợ Bình Phú (xã Bình Phú)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
13	Chợ Thành Công (xã Thành Công)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
14	Chợ Bình Đông (xã Thạnh Nhứt)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	45.000	36.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

15	Chợ Long Vĩnh (xã Long Vĩnh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
16	Chợ Quới An (xã Long Bình)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			
17	Chợ Xóm Thủ (xã Bình Tân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	54.000	36.000	30.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/người/ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Gò Công Tây kèm theo Phụ lục này là 17 (mười bảy) chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục X
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 2.2../2019/QĐ-UBND ngày 22/2../2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1 (2)	Vị trí 2 (2)	Vị trí 3 (3)	
01	Chợ Gò Công Đông (thị trấn Tân Hòa)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	120.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	5.000đ/m ² /ngày			
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ, (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.000đ/m ² /ngày			
02	Chợ Tân Tây (xã Tân Tây)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/m ² /ngày	
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	2.000đ/m ² /ngày	
03	Chợ Vàm Láng (thị trấn Vàm Láng)		
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	90.000	75.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/m ² /ngày	
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	2.000đ/m ² /ngày	
04	Chợ Kiếng Phước (xã Kiếng Phước)		
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	90.000	75.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	4.000đ/m ² /ngày	
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	2.000đ/m ² /ngày	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

05	Chợ Tân Điền (xã Tân Điền)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	60.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày			
06	Chợ Tân Phước (xã Tân Phước)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	60.000	54.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày			
07	Chợ Bình Ân (xã Bình Ân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	60.000	54.000	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày	
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày	
08	Chợ Bình Nghi (xã Bình Nghi)		
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	54.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày	
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày	
09	Chợ Tân Thành (xã Tân Thành)		
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	75.000	54.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày	

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất cửa chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày		
10	Chợ Biên Tân Thành (xã Tân Thành)			
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	54.000	45.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày		
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày		
11	Chợ Vạn Thành (xã Bình Nghi)			
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	54.000	45.000
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày		
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày		

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất cửa chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

12	Chợ Áp 2 Tân Phước (xã Tân Phước)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày			
13	Chợ Phước Trung				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

14	Chợ Gia Thuận				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	60.000	54.000	45.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	3.000đ/m ² /ngày			
-	Hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ	1.500đ/m ² /ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện Gò Công Đông kèm theo Phụ lục này là **14 (mười bốn)** chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

Phụ lục XI
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG TẠI CHỢ
ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 2.33./2019/QĐ-UBND ngày 22/12/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên chợ	Giá dịch vụ (đồng/m ² /tháng)			Ghi chú
		Vị trí 1(1)	Vị trí 2(2)	Vị trí 3(3)	
1	Chợ Tân Thới (xã Tân Thới)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			
2	Chợ Rạch Vách (xã Tân Phú)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, có định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không có định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

3	Chợ Phú Thạnh (xã Phú Thạnh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			
4	Chợ Cả Thu (xã Phú Thạnh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			
5	Chợ Phú Đông (xã Phú Đông)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

6	Chợ Bà Từ (xã Phú Tân)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			
7	Chợ Tân Thạnh (xã Tân Thạnh)				
-	Đối với người kinh doanh thường xuyên, cố định trong phạm vi chợ (giá đã bao gồm VAT) (không phân biệt ngành hàng)	105.000	90.000	75.000	
-	Đối với người kinh doanh không thường xuyên, không cố định trong phạm vi chợ (kể cả hộ nhà vườn đem hàng hóa ra bán tại chợ) (không phân biệt vị trí, ngành hàng)	2.500đ/m ² /ngày			

Tổng số chợ có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trên địa bàn huyện tân Phú Đông kèm theo Phụ lục này là 07 (bảy) chợ.

(1): Là các điểm kinh doanh nằm ở khu vực mặt tiền chợ hoặc có hai mặt tiền tiếp giáp đường bên ngoài chợ hoặc các cửa ra vào chợ (kể cả bãi giữ xe); (2): Là các điểm kinh doanh có một đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chợ; (3): Là các điểm kinh doanh nối tiếp sau các điểm kinh doanh vị trí 1 và vị trí 2, các vị trí không thuận lợi: góc khuất của chợ, xa cửa ra vào nhà lồng chợ.

(Handwritten signature)